HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2021/NQ-HĐND	*Bình Định, ngày 11 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng năm 2022 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát

triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 110/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: có 1.421 công trình, tổng diện tích là 12.477,99 héc ta *(chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).*

2. Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng, gồm:

2.1. Công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: có 523 công trình, diện tích 954,88 héc ta *(chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).*

2.2. Công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: có 21 công trình, diện tích 112,09 héc ta *(chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).*

2.3. Công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng: có 01 công trình, diện tích 0,46 héc ta *(chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm).*

(Kèm theo Biểu tổng hợp Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng của tỉnh và chi tiết từng huyện, thị xã và thành phố).

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua tại Danh mục kèm theo này mà không có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án trong năm 2022 thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành

Luật Đất đai.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2021/.

CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG

(Kèm theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án Nhà thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: tổng số có 1.421 công trình, với diện tích là 12.477,99 héc ta; trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: Có 159 công trình, diện tích 444,37 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: Có 129 công trình, diện tích 982,97 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: Có 55 công trình, diện tích 84,07 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: Có 136 công trình, diện tích 1.843,66 héc ta.
- Huyện Phù Cát: Có 160 công trình, diện tích 3.206,91 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: Có 217 công trình, diện tích 732,38 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: Có 123 công trình, diện tích 1.286,23 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: Có 101 công trình, diện tích 796,87 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: Có 39 công trình, diện tích 190,06 héc ta.
- Huyện Vân Canh: Có 49 công trình, diện tích 648,93 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: Có 253 công trình, diện tích 2.261,54 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: Có 12 công trình, với diện tích 147,36 héc ta, bao gồm:

- Huyện An Lão: Có 02 công trình, diện tích 20,0 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: Có 02 công trình, diện tích 7,60 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: Có 07 công trình, diện tích 88,76 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: Có 01 công trình, diện tích 31,0 héc ta.

2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: Có 1.409 công trình, với diện tích 12.330,63 héc ta, bao gồm:

- Đất quốc phòng: 01 công trình, diện tích 5,0 héc ta;

- Đất an ninh: 01 công trình, diện tích 10,25 héc ta;

- Đất cụm công nghiệp: 32 công trình, diện tích 982,80 héc ta;

- Đất thương mại, dịch vụ: 64 công trình, diện tích 1.476,17 héc ta;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 11 công trình, diện tích 337,08 héc ta;

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 01 công trình, diện tích 8,80 héc ta;

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 24 công trình, diện tích 305,87 héc ta;

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 771 công trình, diện tích 3.146,23 héc ta; bao gồm:

+ Đất giao thông: 305 công trình, diện tích 1.766,91 héc ta;

+ Đất thủy lợi: 128 công trình, diện tích 703,87 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 31 công trình, diện tích 25,12 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: 12 công trình, diện tích 6,94 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 91 công trình, diện tích 82,76 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 37 công trình, diện tích 23,38 héc ta;

+ Đất công trình năng lượng: 50 công trình, diện tích 209,04 héc ta;

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: 05 công trình, diện tích 0,17 héc ta;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 15 công trình, diện tích 8,29 héc ta;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: 14 công trình, diện tích 28,43 héc ta;

+ Đất cơ sở tôn giáo: 08 công trình, diện tích 3,56 héc ta;

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 54 công trình, diện tích 255,05 héc ta;

+ Đất chợ: 21 công trình, diện tích 32,73 héc ta;

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 52 công trình, diện tích 734,54 héc ta;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 30 công trình, diện tích 31,49 héc ta;

- Đất ở tại nông thôn: 162 công trình, diện tích 2.734,16 héc ta;

- Đất ở tại đô thị: 239 công trình, diện tích 2.522,54 héc ta;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 16 công trình, diện tích 6,22 héc ta;

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 04 công trình, diện tích 3,70 héc ta;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 01 công trình, diện tích 25,76 héc ta.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: tổng số có 523 công trình với diện tích 954,88 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: Có 31 công trình, diện tích 18,57 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: Có 72 công trình, diện tích 213,32 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: Có 29 công trình, diện tích 21,08 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: Có 45 công trình, diện tích 38,33 héc ta.
- Huyện Phù Cát: Có 80 công trình, diện tích 176,23 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: Có 65 công trình, diện tích 95,22 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: Có 95 công trình, diện tích 102,17 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: Có 37 công trình, diện tích 125,95 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: Có 11 công trình, diện tích 4,81 héc ta.
- Huyện Vân Canh: Có 18 công trình, diện tích 17,20 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: Có 40 công trình, diện tích 142,00 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp:

- Huyện Phù Cát: có 03 công trình, với diện tích 0,4 héc ta.

2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: Có 520 công trình, với diện tích 954,48 héc ta, bao gồm:

- Đất an ninh: 16 công trình, diện tích 2,13 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 06 công trình, diện tích 13,88 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 19 công trình, diện tích 48,18 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 06 công trình, diện tích 3,11 héc ta;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 03 công trình, diện tích 15,20 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 267 công trình, diện tích 237,19 héc ta; bao gồm:

+ Đất giao thông: 141 công trình, diện tích 160,61 héc ta;

+ Đất thủy lợi: 46 công trình, diện tích 40,54 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 04 công trình, diện tích 3,58 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: 03 công trình, diện tích 0,35 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 25 công trình, diện tích 15,31 héc ta;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 06 công trình, diện tích 0,55 héc ta;

+ Đất công trình năng lượng: 26 công trình, diện tích 4,29 héc ta;

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: 01 công trình, diện tích 0,05 héc ta;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 01 công trình, diện tích 0,07 héc ta;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: 01 công trình, diện tích 0,35 héc ta;

+ Đất cơ sở tôn giáo: 06 công trình, diện tích 1,60 héc ta;

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 04 công trình, diện tích 0,67 héc ta;

+ Đất chợ: 03 công trình, diện tích 9,23 héc ta;

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 17 công trình, diện tích 1,90 héc ta;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 06 công trình, diện tích 3,86 héc ta;

- Đất ở tại nông thôn: 92 công trình, diện tích 295,75 héc ta;

- Đất ở tại đô thị: 79 công trình, diện tích 327,86 héc ta;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 07 công trình, diện tích 2,94 héc ta;

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức: 01 công trình, diện tích 0,17 héc ta;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 01 công trình, diện tích 2,31 héc ta.

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
(Kèm theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: 21 công trình, với diện tích 112,09 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: Có 01 công trình, diện tích 0,05 héc ta.

- Thị xã Hoài Nhơn: Có 04 công trình, diện tích 14,79 héc ta.

- Huyện Hoài Ân: Có 01 công trình, diện tích 0,87 héc ta.

- Huyện Phù Mỹ: Có 04 công trình, diện tích 16,01 héc ta.

- Huyện Phù Cát: Có 01 công trình, diện tích 17,84 héc ta.

- Huyện Vĩnh Thạnh: Có 03 công trình, diện tích 25,16 héc ta.

- Huyện Vân Canh: Có 01 công trình, diện tích 4,50 héc ta.

- Thành phố Quy Nhơn: Có 06 công trình, diện tích 32,87 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: Không có công trình.

2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: Có 21 công trình, với diện tích 112,09 héc ta, bao gồm:

- Đất thương mại, dịch vụ: 01 công trình, diện tích 17,84 héc ta;

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 17 công trình, diện tích 92,1 héc ta; bao gồm:

+ Đất giao thông: 09 công trình, diện tích 47,42 héc ta;

+ Đất thủy lợi: 01 công trình, diện tích 0,05 héc ta;

+ Đất công trình năng lượng: 04 công trình, diện tích 18,34 héc ta;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: 01 công trình, diện tích 0,68 héc ta;

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 02 công trình, diện tích 25,61 héc ta;

- Đất ở tại nông thôn: 01 công trình, diện tích 0,50 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 01 công trình, diện tích 0,45 héc ta;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 01 công trình, diện tích 1,20 héc ta.

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
(Kèm theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng: 01 công trình đường giao thông, với diện tích 0,46 héc ta thuộc huyện An Lão.